

Bản án số: 275/2018/DS-ST
Ngày 04-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm
2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị N (tên thường gọi: B com rượu), sinh năm: 1953; Địa chỉ: 0.04 chung cư 1225/94/16 đường H, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Hải V, sinh năm: 1956; Địa chỉ: 23/21 đường H, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 4 năm 2017 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày: Bà cho bà Trần Hải V vay tiền nhiều lần tổng số tiền là 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng, cụ thể: Ngày 05/8/2013 bà V vay 12.000.000 đồng; Tháng 9/2013: bà V vay 2.000.000 đồng; Tháng 11/2013: bà V vay 6.000.000 đồng; Ngày

25/11/2013: bà V vay 5.000.000 đồng; Ngày 12/6/2014: bà V vay 5.000.000 đồng; Ngày 28/6/2014 bà V vay 5.000.000 đồng.

Bà V hứa sẽ trả lãi hàng tháng 1.400.000 đồng nhưng trên thực tế bà V không thực hiện trả lãi như đã thỏa thuận. Bà đã nhiều lần liên hệ với bà V yêu cầu trả tiền vốn cho bà nhưng bà V không trả. Bà có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường B Quận T hòa giải về việc bà V mượn tiền của bà không trả. Tại buổi hòa giải ngày 01/4/2017 tại trụ sở khu phố 7, thuộc Tổ hòa giải số 7 - Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T thì bà V xin trả cho bà N mỗi tháng là 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng lần lượt hàng tháng cho đến khi dứt nợ nhưng bà N không đồng ý.

Tại Tòa bà Ngô Thị N yêu cầu bà Trần Hải V trả ngay cho bà số tiền vốn là 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Trần Hải V đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Ngô Thị N thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản do bị đơn cư trú tại Quận 8. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bà Trần Hải V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; bà Ngô Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét Giấy Giấy mượn tiền (01 tờ - 02 mặt): Mặt 1 có nội dung: “bà Trần Hải V có mượn của chị B cơm rượu (bà N) 35.000.000 đồng,...”. Mặt 2 có nội dung: “ghi ngày tháng năm của các lần mượn tiền”. Các tình tiết trên đây đã được Tòa án, nguyên đơn thông báo đến bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản nên căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Biên bản hòa giải ngày 01/4/2017 tại trụ sở khu phố 7, thuộc Tổ hòa giải số 7 - Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T bà N yêu cầu bà V trả trước 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, còn lại 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng thì trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng. Phía bà V có ý kiến trả trước một lần 20.000.000 đồng không có khả năng trả; bà V hứa trả cho bà N mỗi tháng là 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng lần lượt hàng tháng cho đến khi dứt nợ. Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ theo quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét từ lúc bà V mượn tiền bà N cho đến nay bà V chưa thanh toán nợ cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Việc bà N khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền vốn là 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó bà Trần Hải V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Thị N số tiền vốn là 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

[6] Về lãi suất do nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Bà Trần Hải V phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho bà Ngô Thị N. Bà Ngô Thị N không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị N.

2. Buộc bà Trần Hải V phải thanh toán cho bà Ngô Thị N số tiền là 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Bà Trần Hải V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Bà Ngô Thị N không phải chịu án phí, bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000 (Tám trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0027167 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Nguyễn Cửu Thị Mẫn

